

NÂNG CAO PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TRÊN MÔI TRƯỜNG SỐ

LÊ THỊ CHUNG
Trường Đại học Hà Nội

Nhận bài ngày 05/4/2026. Sửa chữa xong 08/5/2026. Duyệt đăng 10/5/2026.

Abstract

In the context of the Fourth Industrial Revolution, renewing teaching methods under the impact of digital transformation has become a necessary and urgent task. A common approach is to innovate teaching methods in association with the application of digital technologies, with the aim of developing learners' competencies. This study introduces key concepts and perspectives on digital environments, digital technologies, self-learning competence, and blended learning methods. It also proposes four solutions for renewing teaching methods based on self-learning in digital environments.

Keywords: Digital competence, digital technology, digital transformation, digitization, teaching methods.

1. Đặt vấn đề

Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã tác động tới mọi mặt của đời sống xã hội theo những cấp độ và chiều hướng khác nhau, ảnh hưởng sâu sắc đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó lĩnh vực Giáo dục là một trong những lĩnh vực chịu ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Để đáp ứng được nhu cầu lao động ngày nay, sự thay đổi cơ bản đầu tiên là thay đổi về phương pháp dạy và học. Đổi mới phương pháp dạy học phải theo định hướng ứng dụng chuyển đổi số, áp dụng các thành tựu khoa học vào trong giảng dạy cũng như trong học tập cho sinh viên (SV) nhất là các SV thuộc ngành công nghệ thông tin. Cần ứng dụng hơn nữa việc khai thác các nguồn tài nguyên giáo dục mở vào trong chương trình đào tạo cũng như giảng dạy để chuyển đổi mạnh mẽ các lớp học truyền thống trở thành các lớp học thông minh. Ngày 25/01/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết số 131/QĐ-TTg ngày 25/1/2022 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030" trong đó xác định mục tiêu chung là: *Tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả quản lý giáo dục, xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số... Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo. Phấn đấu 50% học sinh, mỗi SV và mỗi nhà giáo có đủ điều kiện (về phương tiện, đường truyền, phần mềm) tham gia có hiệu quả các hoạt động dạy và học trực tuyến. Có thể coi đây là văn bản mở đường về chính sách giáo dục số, trong đó giáo dục mở được coi là một thành phần của giáo dục số. Vậy "môi trường số" là gì, bản chất dạy và học trên "môi trường số" khác với dạy và học truyền thống ra sao, hệ thống giáo dục đại học trên môi trường số như thế nào... Nội dung bài viết sẽ tập trung nghiên cứu: phương pháp dạy học của các trường đại học phải thay đổi thế nào khi các trường đại học chuyển đổi số.*

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Công nghệ số, chuyển đổi số, môi trường số

2.1.1. Công nghệ số

Công nghệ theo gốc Latin được ghép từ technic (kỹ thuật hay công cụ, vật liệu..) và từ logic (trình

Email: chunglt@hanu.edu.vn

tự, các cách tiếp cận khác nhau để giải quyết vấn đề).

Khái niệm “công nghệ” được hiểu là: “ngành chính yếu của nền kinh tế trong một nước có tác dụng quyết định bước phát triển và sản xuất trong xã hội” (Thái Xuân Đê, 2022, tr. 133). Khái niệm công nghệ còn được hiểu: “là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm theo hoặc không kèm theo công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm” (Văn bản hợp nhất Luật Khoa học và Công nghệ, Điều 3, khoản 2).

Lịch sử phát triển công nghệ từ công nghệ thủ công đến công nghệ hiện đại đã cho thấy công nghệ số là một loại hình công nghệ mới, tích hợp đa ngành và được phát triển dựa trên nền tảng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT) để biến đổi các nguồn lực vật chất, thông tin... thành các sản phẩm và dịch vụ hữu ích, tiện lợi... đáp ứng các nhu cầu vật chất và tinh thần của các cá nhân và nhu cầu phát triển toàn xã hội.

Theo “Cẩm nang chuyển đổi số” do Bộ Thông tin và truyền thông phát hành, những công nghệ số tiêu biểu thúc đẩy chuyển đổi số hiện tại bao gồm: trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây (Cloud Computing) và chuỗi khối (Blockchain).

2.1.2. Số hóa và chuyển đổi số

Có thể hiểu rằng “số hóa” (digitization) là quá trình chuyển hóa, chuyển đổi các đối tượng, hoạt động, thông tin... dạng thông thường, truyền thống sang hệ thống định dạng số (chẳng hạn như chuyển từ tài liệu dạng giấy sang các file mềm trên máy tính, số hóa truyền hình, số hóa sản phẩm, số hóa dịch vụ công... (số hóa vạn vật). Còn “chuyển đổi số” là khi có dữ liệu được số hoá, con người phải sử dụng các công nghệ mới, hiện đại, phù hợp (AI, Big data, IoT, Blockchain, Cloud,...) để phân tích dữ liệu, biến đổi nó và tạo ra một giá trị mới. Có thể xem “số hóa” như một phần của quá trình “chuyển đổi số”.

Việc ứng dụng chuyển đổi số sẽ tạo ra mô hình giáo dục mới (mô hình giáo dục thông minh), từ đó, giúp việc học của người học trở nên đơn giản và dễ dàng hơn. Sự bùng nổ của các nền tảng công nghệ cũng sẽ tạo điều kiện thuận lợi giúp truyền đạt kiến thức và phát triển được khả năng học tập của người học mà không bị giới hạn về thời gian cũng như không gian và môi trường học tập.

Tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 của Chính phủ về Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã chỉ rõ: “Chuyển đổi số trước tiên là chuyển đổi nhận thức; Người dân là trung tâm của chuyển đổi số; Thể chế và công nghệ là động lực của chuyển đổi số; Phát triển nền tảng số là giải pháp đột phá để thúc đẩy chuyển đổi số...”. Cũng theo đó, giáo dục là một trong các lĩnh vực được ưu tiên trong chuyển đổi số.

Như vậy, chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo có thể hiểu là việc ứng dụng những công nghệ tiên tiến giúp nâng cao trải nghiệm của người học, cải thiện những phương pháp giảng dạy cũng như tạo môi trường để học tập thuận tiện nhất. Ứng dụng chuyển đổi số sẽ tạo ra mô hình giáo dục thông minh, từ đó giúp việc học kiến thức của người học trở nên đơn giản và dễ dàng hơn. Sự bùng nổ của các nền tảng công nghệ đã tạo điều kiện thuận lợi để truyền đạt kiến thức và phát triển được khả năng tự học của người học mà không bị giới hạn về thời gian cũng như không gian

Chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo tập trung vào hai nội dung chính: chuyển đổi số trong quản lý và chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra, đánh giá, nghiên cứu khoa học. Trong đó, chuyển đổi số trong quản lý là số hóa thông tin quản lý tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn liên thông, triển khai các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng các công nghệ 4.0 (AI, Blockchain, phân tích dữ liệu,...) để quản lý, điều hành, dự báo, hỗ trợ các cấp lãnh đạo, quản lý ra quyết định trong lãnh đạo, điều hành. Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá là số hóa học liệu (sách giáo khoa điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm), thư viện số, phòng thí nghiệm ảo, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến...; chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương pháp giảng dạy, kỹ thuật quản lý lớp học, tương tác với người học sang không gian số, khai thác công nghệ thông tin để tổ chức giảng dạy thành công (Trịnh Minh Đức, 2018).

2.1.3. Môi trường thực thể và môi trường số

Môi trường thực thể là các thực thể mà con người có thể nhìn thấy và cảm nhận được, bao gồm: môi trường xã hội, môi trường tự nhiên và môi trường nhân tạo. Trước đây, những thực thể này tồn tại

độc lập, không liên kết với nhau. Trong các môi trường thực thể, quá trình học tập không chỉ là việc học hỏi kiến thức một cách riêng biệt, mà còn là quá trình tương tác và hoạt động trong môi trường để xây dựng kiến thức, kỹ năng và thái độ của mình (Trần Khánh Đức, 2022).

Môi trường số là môi trường thực thể có thêm không gian số - Cyber. Trong môi trường số, các thực thể dần dần được số hóa tạo ra dữ liệu để có thể kết nối được với nhau hình thành không gian số. Khi mọi thực thể được số hóa, chúng cùng nhau tạo thành dữ liệu lớn (big data) làm cho không gian số ngày càng phong phú đa dạng, khả năng kết nối ngày càng tăng (Trần Khánh Đức, 2022).

Một thực thể khi được số hóa thành dữ liệu, tạo nên một phiên bản số, được xác định bởi một địa chỉ tương ứng. Các thực thể liên kết, trao đổi thông tin với nhau tạo thành một hệ thống số. Khi mọi thực thể đều được số hóa sẽ tạo thành IoT (internet of thing) và hình thành nền sản xuất thông minh.

2.1.4. Tự học và năng lực tự học số

Tự học, theo hiểu đơn giản, là quá trình học tập độc lập, chủ động, không dựa vào sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên hay người hướng dẫn. Người học tự mình thiết lập mục tiêu, kế hoạch học tập, lựa chọn phương pháp học tập phù hợp và tự chịu trách nhiệm cho kết quả học tập của bản thân. Trong quá trình tự học, người học cần vận dụng các kỹ năng: nghiên cứu, phân tích, tư duy để tiếp thu kiến thức. Bên cạnh đó, họ cũng cần tự mình thiết lập kế hoạch học tập, bao gồm: thời gian học, lượng kiến thức cần tiếp thu và phương pháp học tập phù hợp.

Năng lực tự học: “năng lực” theo từ điển Tiếng Việt “là khả năng, điều kiện chủ quan thực hiện một hành động nào đó” (Thái Xuân Đệ, 2022). Như vậy có thể hiểu năng lực là khả năng thực hiện thành công hoạt động nhờ sự huy động, tổng hợp kiến thức, kỹ năng, hứng thú, niềm tin... của mỗi người. Từ cách hiểu về năng lực, tự học như trên, có thể hiểu năng lực tự học là khả năng tự mình xác định nhiệm vụ học tập một cách chủ động và tích cực, tự đặt ra mục tiêu học tập và phấn đấu đạt được, sở hữu phương pháp học tập hiệu quả, tự đánh giá để điều chỉnh những sai sót và hạn chế trong quá trình học tập, chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ khi gặp khó khăn. Năng lực này bao gồm các yếu tố: xác định chủ động nhiệm vụ học tập; tự đặt mục tiêu học tập; sử dụng phương pháp học tập hiệu quả; tự đánh giá và điều chỉnh; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ (Trần Khánh Đức, 2020).

Năng lực tự học số: Ngoài những năng lực được xác định là năng lực tự học thì năng lực tự học số còn bao gồm năng lực khai thác công nghệ số để tự học trên môi trường số (Trần Khánh Đức, 2015). Năng lực này giúp cá nhân hóa việc học tập, chuyển đổi dữ liệu thành kiến thức và nhận thức. Trong cùng một lớp học, cùng môi trường học tập, cùng môi trường số, học viên nào có năng lực tự học số tốt hơn thì sẽ tiếp thu kiến thức hiệu quả hơn.

2.2. Một số đề xuất đổi mới phương pháp dạy – học phù hợp chuyển đổi số

Trước khi xuất hiện chuyển đổi số, hầu hết trong giảng dạy đều thực hiện theo phương pháp giảng dạy truyền thống. Người thầy đóng vai trò truyền thụ kiến thức trong giáo trình. SV tập trung tại lớp học nghe giảng, nghiên cứu tài liệu, thảo luận. Nhưng khi có sự xuất hiện của chuyển đổi số trên thế giới thì giáo dục Việt Nam cần phải có bước chuyển mình mới, thích ứng với xu thế phát triển của toàn cầu.

2.2.1. Chú trọng phát triển năng lực tự học số cho sinh viên

Mục tiêu đào tạo của các trường đại học trong thời kỳ hội nhập là huấn luyện cho SV năng lực khám phá và kiến tạo tri thức, khai thác dữ liệu. Điều này cũng là thước đo chất lượng đào tạo của mỗi trường. Trong thời đại bùng nổ thông tin, tri thức không chỉ gói gọn trong những kiến thức được các nhà khoa học công nhận theo cách nhìn truyền thống mà còn là kết quả của quá trình trải nghiệm và xử lý thông tin của mỗi cá nhân. Bản thân thông tin không có giá trị, chỉ khi được xử lý và chuyển hóa thành kiến thức mới thì nó mới mang lại ý nghĩa. Do đó, quá trình tự học chính là quá trình tìm kiếm, khai thác và kiến tạo tri thức có giá trị trên nền tảng internet. Dạy tự học chuyển hướng sang dạy kỹ năng tìm kiếm thông tin trực tuyến nói chung và đặc biệt là tìm kiếm thông tin trên kho tài nguyên số của trường đại học.

Trước đây, GV là nguồn thông tin chính cho SV. Tuy nhiên, trong môi trường số, SV có thể dễ dàng tiếp cận kiến thức từ nhiều nguồn khác nhau. Do đó, vai trò của GV cần thay đổi để phù hợp với xu hướng mới

này. GV cần chuyển sang vai trò hướng dẫn, giúp SV phát triển các kỹ năng cần thiết để tự học hiệu quả trong môi trường số. Một số cách thức để phát triển năng lực số cho SV có thể thực hiện như sau:

- *Tăng cường giao nhiệm vụ nghiên cứu và kiểm tra sự chuẩn bị của SV trước khi đến lớp dưới hình thức trực tuyến:* Việc tăng cường giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của SV trước khi đến lớp dưới hình thức trực tuyến (trên MSTeams) không chỉ giúp SV học tập hiệu quả hơn mà còn giúp họ phát triển những kỹ năng học tập gắn với công nghệ thông tin, qua đó phát triển năng lực số cho SV như: năng lực vận hành thiết bị và phần mềm, năng lực thông tin và dữ liệu, an ninh và an toàn thông tin trên không gian mạng. Các báo cáo chuẩn bị của SV là những sản phẩm học tập kết tinh không chỉ từ kiến thức môn học mà còn là sự kết tinh của các kiến thức, kỹ năng về sử dụng công nghệ thông tin.

- *Thiết kế các nhiệm vụ học tập nhằm phát triển năng lực số cho SV:* Để phát triển năng lực số cho SV trong quá trình dạy học, GV cần thiết kế các nhiệm vụ học tập dưới dạng các tình huống, trường hợp hay dự án học tập. Việc thực hiện các nhiệm vụ học tập thông qua giải quyết tình huống, trường hợp hay dự án học tập buộc SV phải làm việc theo nhóm. Thông thường thời gian để hoàn thành nhiệm vụ sẽ diễn ra dài hơn một buổi học. SV sẽ phải tổ chức họp nhóm để trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ những thông tin mà họ thu thập được để đưa ra quyết định cho những bước tiếp theo trong kế hoạch giải quyết vấn đề. Để tiết kiệm thời gian và giảm công sức cũng như chi phí đi lại, SV sẽ tổ chức họp nhóm hay thảo luận trực tuyến. Quá trình thảo luận nhóm kiểu này sẽ giúp SV rèn luyện các kỹ năng về giao tiếp và hợp tác trong môi trường số như: tương tác và chia sẻ thông tin; thấu cảm (giao tiếp, nhận thức các chuẩn mực hành vi, thấu hiểu công chúng và ngữ cảnh); xây dựng và thực hành quy tắc ứng xử trong môi trường số đồng thời giúp họ làm chủ các công cụ và phương pháp sử dụng công nghệ số giúp họ phát triển năng lực sáng tạo nội dung số, năng lực số liên quan đến nghề nghiệp tương lai.

- *Tăng cường tổ chức kiểm tra, đánh giá trực tuyến:* Việc SV phải làm đi làm lại các bài tập trắc nghiệm (quiz) nhiều lần không chỉ giúp SV có cơ hội vừa chọn được điểm cao nhất vừa khắc sâu được kiến thức mà còn giúp họ rèn luyện các kỹ năng về công nghệ thông tin. Việc thi trực tuyến luôn đòi hỏi SV phải có kỹ năng về sử dụng phần mềm sử dụng trong thi cử (chẳng hạn như phần mềm SEB). SV phải biết cách cài đặt phần mềm SEB trên điện thoại thông minh hoặc trên máy tính trước khi thi. Trong quá trình thi trực tuyến SV phải biết cách sử dụng thiết bị cùng với phần mềm nhằm đảm bảo an toàn khi thi: SV sẽ không bị đẩy ra (out) khỏi phòng trong khi đang thi hay không nộp (submit) được bài thi. Có thể nói, việc tăng cường kiểm tra, đánh giá trực tuyến kết quả học tập của SV trong quá trình dạy học sẽ là điều kiện thuận lợi cho SV rèn luyện những kỹ năng về công nghệ thông tin, nhờ đó phát triển năng lực số cho SV như: năng lực an ninh và an toàn trên không gian mạng; năng lực học tập và phát triển kỹ năng số; và một số năng lực số liên quan đến nghề nghiệp tương lai.

2.2.2. Sáng tạo phương pháp dạy học bằng sử dụng công nghệ số

Giải pháp này đòi hỏi GV phải chủ động trang bị kỹ năng làm chủ công nghệ số để tạo ra các phương thức dạy học hiện đại, đáp ứng nội dung giảng dạy và đối tượng người học. Thay vì áp dụng một phương pháp dạy học truyền thống cho mọi đối tượng, giải pháp này cho phép các GV tùy chỉnh phương thức dạy học dựa trên năng lực và kỹ năng sử dụng công nghệ số khác nhau của họ.

Công nghệ số giúp GV đa dạng hóa phương pháp giảng dạy, tạo hứng thú và sự tham gia tích cực của SV trong quá trình học tập. Các bài giảng có thể được trình bày sinh động bằng video, hình ảnh, âm thanh, mô phỏng 3D,... giúp học sinh tiếp thu kiến thức một cách trực quan và dễ hiểu hơn. Trong quá trình dạy học có những thuật ngữ, thí nghiệm chuyên ngành, nếu chỉ dạy bằng phương pháp thông thường thì rất khó để giải thích bằng ngôn từ; nhưng nếu sử dụng các công nghệ hiện đại thì việc diễn giải kiến thức sẽ dễ dàng hơn. Ví dụ, môn học về Lập trình máy tính, việc giải thích các khái niệm và thuật ngữ phức tạp như “ngăn xếp” (stack), “hàng đợi” (queue), hoặc “thuật toán sắp xếp QuickSort” bằng lời nói và hình ảnh tĩnh có thể gây khó khăn cho SV. Tuy nhiên, nếu GV sử dụng các công cụ mô phỏng trực quan hoặc mô hình hóa các cấu trúc dữ liệu và thuật toán trong một môi trường 3D hoặc mô phỏng trực tuyến, SV có thể thấy trực tiếp cách một ngăn xếp hoạt động, cách dữ liệu được lưu trữ trong hàng đợi, hoặc cách thuật toán QuickSort sắp xếp dữ liệu. Điều này làm cho việc học và hiểu các

khái niệm này dễ dàng hơn và cung cấp cho SV trải nghiệm thực tế trong lĩnh vực lập trình từ đó hiểu sâu về các khái niệm công nghệ thông tin.

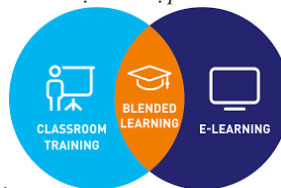
Ngoài ra, công nghệ số giúp cá nhân hóa quá trình học tập, đáp ứng nhu cầu và khả năng tiếp thu khác nhau của mỗi SV. Nếu như phương pháp dạy học truyền thống áp dụng cho mọi đối tượng, thì trong chuyển đổi số, tùy theo năng lực, kỹ năng sử dụng công nghệ số khác nhau mà người GV đưa ra phương pháp dạy học khác nhau. Ví dụ, GV có kiến thức sâu về trí tuệ nhân tạo (AI) và kỹ năng lập trình AI Chatbot có thể sáng tạo ra một trợ giảng ảo để hỗ trợ GV thực tế trong việc hướng dẫn SV giải bài tập và giải đáp thắc mắc. Bằng cách này, họ tận dụng khả năng tương tác và tích hợp dữ liệu lớn để tạo ra một nguồn cố vấn học tập hoặc trợ giảng trực tuyến (intelligent tutor) cá nhân cho từng SV. GV cũng có thể sử dụng các ứng dụng học tập để tạo ra các bài giảng tương tác, câu hỏi trắc nghiệm và bài tập phù hợp với trình độ và sở thích cá nhân của từng người học. Mỗi GV có thể áp dụng công nghệ số một cách độc lập để tạo ra một môi trường học tập riêng biệt, cá nhân hóa và thích hợp với đối tượng SV của họ.

2.2.3. Đổi mới hình thức tổ chức dạy học

Khi chuyển đổi số, đòi hỏi mỗi GV phải có khả năng tự chuyển đổi từ các hình thức giảng dạy truyền thống sang các hình thức giảng dạy áp dụng công nghệ số. Các hình thức học trực tuyến e-learning; học thông qua các thiết bị điện tử; học thông qua các thiết bị di động; mô hình học kết hợp giữa học trên lớp và học online; học theo ngữ cảnh, thông qua các thiết bị định vị; học trong các môi trường mang tính tương tác cao; sử dụng công nghệ điện toán đám mây cần được đẩy mạnh áp dụng. Bên cạnh đó, GV phải thực sự tâm huyết và đam mê với nghề, luôn luôn sáng tạo, đổi mới trong công việc, hình thành nhiều ý tưởng và biến nó thành những hoạt động thực tiễn.

Hiện nay, hình thức kết hợp đang được triển khai mạnh mẽ trong các trường đại học ở Việt Nam. Thực tế cho thấy hình thức này giúp khắc phục được những vấn đề tồn tại của học tập giáp mặt và trực tuyến, vừa tăng cường hiệu quả học tập, khuyến khích tạo ra một môi trường linh hoạt, năng động, sáng tạo vừa thúc đẩy sự tự học, tự nghiên cứu đối với người học. Hơn nữa, nhờ sự hỗ trợ của công nghệ số giúp cho quá trình tổ chức dạy học được diễn ra thuận lợi và mang lại hiệu quả cao hơn. Một ví dụ sau đây cho thấy hiệu quả của công nghệ số trong mô hình học tập kết hợp Blended-learning

Hình: Mô hình học kết hợp – Blended learning



Phần số (bên phải) của mô hình Blended-learning là dành cho SV tự học qua video, bài giảng online... Tại đây, SV có thể ghi lại những điểm chưa rõ ràng hoặc những thắc mắc. Phần thực tế (bên trái) của mô hình Blended-learning được GV tổ chức dưới dạng buổi họp hoặc hội thảo. SV đặt câu hỏi về những điểm họ vẫn còn băn khoăn sau khi học trực tuyến. GV có thể giải đáp trực tiếp hoặc yêu cầu SV trình bày chủ đề, sau đó, cả lớp thảo luận. Thông qua một lớp học triển khai thử nghiệm theo mô hình Blended-learning kỹ thuật số với hơn 150 SV, phương pháp Blended-learning thông thường tỏ ra không hiệu quả vì giáo viên không thể quản lý tất cả SV cùng một lúc. Khi một SV trình bày, chỉ có GV và một vài SV khác lắng nghe chăm chú, trong khi phần lớn SV còn lại trở nên “như ong vỡ tổ”, làm việc riêng, chơi điện thoại... Để đảm bảo buổi thảo luận diễn ra hiệu quả, GV cần phải chia lớp thành 10 nhóm, mỗi nhóm 15 SV ngồi ở các phòng học riêng biệt để thảo luận do GV (hoặc trợ giảng) hướng dẫn. Tuy nhiên, việc có được 10 phòng học riêng và hợp tác với 10 GV khác để hỗ trợ thì khó khăn và gần như không thể thực hiện được. Điều này đặt ra thách thức lớn trong việc tổ chức buổi thảo luận trực tiếp trong lớp học truyền thống, đặc biệt khi lớp học quá đông. Tuy nhiên, trong môi trường số, việc kết hợp giữa việc tự học và các buổi học trực tiếp trở nên đơn giản hơn. GV có thể tạo nhiều phòng học trực tuyến trên các nền tảng như MS Teams và theo dõi các nhóm thảo luận đồng thời. GV có thể

di chuyển linh hoạt giữa các phòng học để theo dõi, hỗ trợ và hướng dẫn từng nhóm SV. Điều này giúp tăng tính tương tác và hiệu suất học tập trong mô hình học tập kết hợp.

Một khía cạnh khác của việc SV tự học trực tuyến là tính linh hoạt và khả năng tiếp cận nguồn tài liệu đa dạng. Khi họ gặp khó khăn trong một bài giảng, họ có thể dễ dàng tìm kiếm những tài liệu, video clip hoặc bài giảng khác để hiểu rõ hơn về vấn đề đang nghiên cứu. Thậm chí ở mức độ Blended-learning cao hơn, mọi thắc mắc ở các nhóm thảo luận có thể được giải quyết bởi các trợ giảng ảo (AI Chatbot) để hướng dẫn và giải đáp cho từng SV, từ đó “ cá nhân hóa việc học tập ” đến từng người học.

Tiềm năng kết hợp học trực tiếp và trực tuyến là rất lớn, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục đại học. Tại một số trường đại học ở Hà Nội, SV có thể học một số môn đại cương theo hình thức kết hợp trực tuyến và trực tiếp; môn chuyên ngành học trực tiếp. Đây có thể trở thành xu hướng trong tương lai. Đối với trường học, nó giúp giảm chi phí tổ chức và quản lý, từ đó giảm học phí, đặc biệt trong bối cảnh tự chủ đại học và học phí đang tăng. Đối với SV, họ có thể tiết kiệm thời gian, học phí, và công sức đi lại. Họ cũng có cơ hội tiếp cận chương trình của các ĐH uy tín với mức học phí thấp hơn so với việc học cả khóa trực tiếp.

2.2.4. Nhà quản lý phải đổi mới tư duy khi đầu tư và quản lý sáng tạo phù hợp chuyển đổi số

- *Xây dựng đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu công nghệ cao - tương tác cao*: Đội ngũ GV cần được trang bị kỹ năng về công nghệ và phương pháp sư phạm để thực hiện chuyển đổi số. Đây là một chiến lược dài hơi, cần được chuẩn bị từng bước khi thực hiện chuyển đổi số, thông qua các hoạt động:

+ Tổ chức các khóa huấn luyện: giảng dạy với công nghệ, giảng dạy theo mô hình hỗn hợp, huấn luyện sử dụng công cụ và nền tảng số...

+ Tổ chức thiết kế/biên soạn lại các môn học theo mô hình dạy học hỗn hợp, mô hình học liệu mở, bài học có tương tác... Một số môn học có thể tham khảo hoặc sử dụng nguồn học liệu, tài liệu từ các trường đại học tiên tiến trên thế giới. Đẩy mạnh hình thức khen thưởng GV có thành tích giảng dạy xuất sắc, hình thành mạng lưới các GV xuất sắc để họ hướng dẫn lại cho đồng nghiệp trong khoa/bộ môn của mình.

+ Mở chương trình tu nghiệp, đưa GV đi học tập, trải nghiệm ở các đơn vị công nghệ trong và ngoài nước, học tập kinh nghiệm các cơ sở giáo dục tiên tiến.

- *Mở rộng đối tượng người học, mở rộng tiếp cận công nghệ cho người học*: Với sự sẵn sàng của lớp học số, tài liệu số, kho học liệu mở, đối tượng người học của trường đại học sẽ không còn bị bó buộc bởi độ tuổi, khoảng cách địa lý. Từ đó, chỉ tiêu đào tạo và đóng góp cho kinh tế xã hội cũng tăng lên. Để nâng cao năng lực tiếp cận công nghệ, người học cần có điều kiện để tiếp cận, tương tác với môi trường số trong học tập trực tuyến lẫn trực tiếp. Do đó, chúng ta cần:

+ Thành lập các phòng thí nghiệm tương tác công nghệ với đầy đủ trang thiết bị, công cụ hỗ trợ cần thiết. Người học có thể hiện thực hóa các ý tưởng hay đồ án của mình.

+ Xây dựng câu lạc bộ ngoại khóa, phổ cập kiến thức công nghệ cần thiết cho người học mới.

+ Tích hợp thực tế ảo, thực tế tăng cường và thực tế hỗn hợp vào môi trường học. Đây là một trợ lý đắc lực cho người học để trải nghiệm công nghệ.

+ Giảm thiểu phát hành sách/tài liệu truyền thống. Thay vào đó, cung cấp học liệu số, kho học liệu mở cho người học.

- *Xây dựng hạ tầng công nghệ và dữ liệu*: Xây dựng cơ sở hạ tầng viễn thông công nghệ thông tin cho Trung tâm dữ liệu lớn (Big Data) tập trung của nhà trường đảm bảo các điều kiện phục vụ cho hoạt động chuyển đổi số của nhà trường. Xây dựng, sắp xếp lại cơ sở dữ liệu của nhà trường. Xây dựng trực kết nối tích hợp, chia sẻ dữ liệu đạt chuẩn nhằm kết nối, liên thông, chia sẻ đối với cán bộ, GV và SV nhà trường.

3. Kết luận

Chuyển đổi số là xu thế tất yếu ở các quốc gia nói chung và trong giáo dục nói riêng. Để phát huy được tính hiệu quả của việc dạy học, phương pháp dạy học cần được chú trọng và đổi mới để thích ứng và khai thác được tối đa sự ưu việt của công nghệ mới. Điều này đặt ra cho hệ thống các trường đại học,

cao đẳng cần có những phương pháp và kế hoạch để bồi dưỡng GV, cán bộ khai thác được hệ sinh thái chuyển đổi số; đặc biệt là bồi dưỡng GV về chiến lược dạy học phù hợp. Bài báo đã nghiên cứu, tìm hiểu và đưa ra một số đề xuất giúp cho việc đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với công cuộc chuyển đổi số. Những giải pháp này sẽ tiếp tục được khai thác và nghiên cứu sâu hơn trong các bối cảnh cụ thể với tính đặc thù của ngành nghề, môn học để giúp cho việc triển khai cụ thể trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Hiền (2013). *Từ điển Giáo dục học*. NXB Từ điển Bách khoa.
- Thái Xuân Đệ (2022). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Hải Phòng.
- Trần Khánh Đức (2015). *Năng lực và tư duy sáng tạo trong giáo dục đại học*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Khánh Đức (2020). *Lý luận và phương pháp dạy học phát triển năng lực và tư duy sáng tạo*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Khánh Đức (2022). *Chuyển đổi số trong công nghệ giáo dục hiện đại và phát triển năng lực số cho đội ngũ giảng viên trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trịnh Minh Đức (2018). *Nghiên cứu xây dựng mô hình đại học thông minh áp dụng tại Học viện Cảnh sát nhân dân* (đề tài khoa học cấp Bộ). Bộ Công an.
- Thủ tướng Chính phủ (2020). *Quyết định 749/QĐ-TTg, ngày 03/06/2020 ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022–2025, định hướng đến năm 2030*.
- Văn phòng Quốc hội (2013). *Luật Khoa học và Công nghệ*. Văn bản hợp nhất số 13/VBHN-VPQH, ngày 08/7/2022.

KỸ NĂNG LẮNG NGHE TRONG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN...

Tiếp theo trang 60

3. Kết luận

Kỹ năng lắng nghe giữ vai trò quan trọng trong quá trình học tập của SV đại học. Đây không chỉ là khả năng tiếp nhận thông tin bằng thính giác mà còn là quá trình tập trung, phân tích, thấu hiểu và phản hồi có mục đích. Việc phân loại KNLN theo các mức độ phát triển giúp nhận diện rõ sự chuyển biến của SV, từ lắng nghe ban đầu đến lắng nghe hoàn thiện, gắn với khả năng chú ý, hiểu nội dung, xử lý thông tin và phản hồi phù hợp. Kết quả phân tích cho thấy KNLN không hình thành tức thời mà cần được rèn luyện thường xuyên thông qua các hoạt động học tập cụ thể. Trong môi trường đại học, SV cần được định hướng để chuyển từ nghe thụ động sang lắng nghe chủ động, có chọn lọc và có tư duy phản biện. Việc phát triển kỹ năng này cần gắn với các kỹ năng học tập khác như ghi chép, đặt câu hỏi, thảo luận, làm việc nhóm và tự đánh giá. Các giải pháp như nâng cao nhận thức, tổ chức bài giảng hợp lý, tăng cường hoạt động tương tác và khuyến khích SV tự đánh giá sẽ góp phần phát triển KNLN một cách bền vững. Qua đó, SV có thể nâng cao hiệu quả tiếp thu tri thức, phát triển năng lực giao tiếp học thuật và chủ động hơn trong học tập. Có thể khẳng định, phát triển KNLN là yêu cầu cần thiết nhằm nâng cao chất lượng học tập của SV và chất lượng đào tạo trong giáo dục đại học hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- Asai, K., Hiraizumi, T., & Hanzawa, R. (2020). *Reliability and validity of the Japanese version of the active-empathic listening scale*. BMC Psychology, 8, Article 59. <https://doi.org/10.1186/s40359-020-00422-4>.
- Bletscher, C. G., & Lee, S. (2021). *The impact of active empathetic listening on an introductory communication course*. College Teaching, 69(3), 161-168. <https://doi.org/10.1080/87567555.2020.1841079>.
- Brown, T., Yu, M.-L., & Etherington, J. (2021). *Listening and interpersonal communication skills as predictors of resilience in occupational therapy students: A cross-sectional study*. British Journal of Occupational Therapy, 84(1), 42-53. <https://doi.org/10.1177/0308022620908503>.
- Worthington, D. L., Bodie, G. D., & Fitch-Hauser, M. E. (2024). *Listening: Processes, functions, and competency (3rd ed.)*. Routledge.
- Huỳnh Văn Sơn (2025). *Tâm lý học giao tiếp (tái bản)*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Bá Minh (2018). *Nhập môn khoa học giao tiếp*. NXB Đại học Sư phạm.
- Phạm Thùy Giang (2017). *Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình trong kinh doanh*. NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.